

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 2836/GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 27 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 15/APQB ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Công ty TNHH Nông nghiệp An Phát QB về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 710/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Nông nghiệp An Phát QB, địa chỉ tại thôn Quang Trung, xã Trường Phú, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi trồng trọt tổng hợp công nghệ cao với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi trồng trọt tổng hợp công nghệ cao

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Xuân Lai, xã Trường Phú, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101127174; đăng ký lần đầu ngày 09/11/2023; Nơi cấp: Phòng Đăng ký Kinh Doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình.

1.4. Mã số thuế: 3101127174

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo và trồng cây ăn quả.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Diện tích: 23.129,9 m².

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 1.000 con heo thịt/lứa; chăn nuôi heo hậu bị 350 con/lứa.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nông nghiệp An Phát QB:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Nông nghiệp An Phát QB có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải

dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND xã Trường Phú;
- Công ty TNHH Nông nghiệp An Phát QB;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *tu*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số **2836** /GPMT-UBND
 ngày **27** tháng **11** năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại trang trại, nước thải nhà bếp, nước thải sát trùng cho công nhân.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước tự nhiên phía Tây Dự án tại thôn Xuân Lai, xã Trường Phú, tỉnh Quảng Trị; một phần nước thải sau xử lý được tái sử dụng để tưới cây trong Dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí điểm xả nước thải: Hồ ga đầu nối nước thải vào mương thoát nước tự nhiên phía Tây Dự án tại thôn Xuân Lai, xã Trường Phú, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m): 1898736,15; Y(m): 583 070,60 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106⁰ múi chiều 3⁰).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có đồng hồ đo lưu lượng, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 46,66 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy vào hồ ga đầu nối nước thải, sau đó chảy vào mương thoát nước tự nhiên phía Tây Dự án theo phương thức tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B) và QCVN 01-195:2022/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Loại cây trồng được sử dụng	Tần suất quan trắc định kỳ		
			QCVN 62:2025/BTNMT (cột B)	QCVN 01-195:2022/BNN PTNT				
1	BOD ₅	mg/l	≤ 60	-		6 tháng /lần		
2	COD	mg/l	≤ 150	-				
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 100	-				
4	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 60	-				
5	Tổng Phốt pho	mg/l	≤ 14	-				
6	Tổng Coliform	MPN /100 ml	≤ 5000	-				
7	pH	-	6-9	5,5-9	Các loại cây trồng		6 tháng /lần	
8	Clorua (Cl-)	mg/L	-	≤ 600				
9	Asen (As)	mg/L	-	≤ 0,1				
10	Cadimi (Cd)	mg/L	-	≤ 0,01				
11	Crom tổng số (Cr)	mg/L	-	≤ 0,5				
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	-	≤ 0,002				
13	Chì (Pb)	mg/L	-	≤ 0,05	Các loại cây trồng trừ cây rau, cây được liệu hàng năm			6 tháng /lần
14	E.coli	MPN hoặc CFU/ 100 mL	-	> 200 - 1.000				

2.7. Phương án tái sử dụng nước thải như sau:

- Địa điểm: Khu vực trồng cây ăn quả của trang trại
- Diện tích: 6.166,2 m²
- Số lượng cây: 1.468 cây
- Thời gian: Các tháng không mưa

- Tần suất: 02 ngày/lần
- Phương pháp tưới: tưới gốc cây.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Đối với nước thải sinh hoạt :

- + Đối với nước thải xám: Được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- + Đối với nước thải đen: Được thu gom xử lý qua bể tự hoại, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- + Đối với nước thải nhà bếp: Được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- + Đối với nước thải sát trùng của công nhân: Được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- Đối với nước thải từ hoạt động chăn nuôi:

- + Được thu gom bằng các mương dẫn BTCT B300, bên trên có lắp tấm đan bê tông đầy kính, chạy dọc sau các dãy chuồng để thu gom nước thải từ các chuồng nuôi, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

- + Đối với nước thải từ máy tách phân: Được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- + Đối với nước thải từ hệ thống xử lý mùi chuồng nuôi heo: Được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- + Đối với nước thải từ bể chứa bùn: Được thu gom về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải → Thiết bị tách phân → Bể biogas → Hồ lắng → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotén) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hồ sinh học → Hồ ga → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 62:2025/BTNMT và QCVN 01-195:2022/BNNT trước khi thoát ra môi trường

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Mật rỉ đường, Soda light Na₂CO₃,

Chloramin B, Thuốc Advance APA clean, Cồn ethanol, Vôi bột, EM TECH - GREEN (men vi sinh), Clo dạng viên tan chậm, Vi sinh Microbe-Lift BPCC.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thực hiện vận hành và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên kiểm tra, bổ sung bùn hoạt tính vào bể sinh học hiếu khí nhằm duy trì hiệu suất xử lý của vi sinh vật.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước; Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sẽ được bơm về hồ sự cố có dung tích khoảng 600 m³ để lưu chứa trong thời gian khắc phục, sửa chữa. Sau khi khắc phục sự cố sẽ bơm toàn bộ nước thải trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiến hành xử lý đảm bảo quy chuẩn trước khi tái sử dụng, xả thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Vận hành thử nghiệm dự kiến từ tháng 01/2026 đến tháng 7/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải.
- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Việc quan trắc nước thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của Dự án đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ Dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Trường Phú và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý khi gặp sự cố.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng quy chuẩn quốc gia về môi

trường hiện hành; thu gom nước mưa chảy tràn khu vực dự án, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

- Chủ Dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu, phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định pháp luật.

- Thực hiện công bố hợp quy và thực hiện đăng ký công bố hợp quy nước thải tưới gốc cho cây trồng trong khuôn viên Dự án theo đúng quy định trước khi sử dụng để tưới.

Phụ lục 2
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2836 /GPMT-UBND
ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom, xử lý khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Đối với các khu chuồng nuôi:

+ Bố trí hệ thống làm mát và thông gió tốt. Chuồng nuôi được thiết kế kín gió, xây dựng hoàn toàn khép kín; bên ngoài chuồng nuôi phía sau các quạt hút bố trí hệ thống lưới che và giàn phun sương để giảm thiểu tối đa mùi hôi. Xung quanh khu vực nhà điều hành, nhà ở công nhân, khu vực chuồng trại, khu xử lý chất thải bố trí cây xanh với loại cây tán rộng, độ cao của cây mật độ trồng phù hợp. Tại mỗi chuồng nuôi được lắp đặt quạt làm mát và quạt hút để đẩy không khí và mùi ra bên ngoài chuồng nuôi. Bên ngoài chuồng nuôi phía sau quạt hút, bố trí hệ thống lưới che mùi, giàn phun sương giúp ngăn chặn các phân tử gây mùi hôi phát tán trực tiếp ra môi trường xung quanh.

+ Sử dụng chế phẩm EM với liều lượng và tần suất phù hợp để thúc đẩy phân hủy nhanh các chất hữu cơ, ức chế sự phát triển của vi sinh vật gây bệnh, hấp thụ các chất gây mùi hôi chuồng trại, giảm ruồi nhặng...

+ Xây dựng hệ thống mương thu gom chất thải có nắp đậy kín để giảm thiểu mùi hôi phát sinh do khí thải trong quá trình thoát nước thải. Dùng dung dịch EM pha loãng với tỉ lệ phù hợp, tần suất 1 lần/ngày đổ vào mương thu gom nước thải để triệt tiêu mùi.

- Đối với khí phát sinh tại hầm biogas:

+ Toàn bộ 100% lượng khí sinh ra từ hầm biogas sẽ được thu gom vào hệ thống khép kín đưa đến khu vực nấu thức ăn, không xả thải ra ngoài môi trường. Các ống thu khí gas được bọc trong ống nhựa PVC Φ25 mm và được chôn sâu 0,1 m so với mặt đất.

+ Túi khí HDPE được phủ và đậy chặt bằng đất sét xung quanh bờ của hầm biogas, quá trình đậy đất sét phải được đậy chặt với chiều dày 0,5 m và rộng 1,5 m để đảm bảo khí gas không bị rò rỉ ra ngoài.

+ Đối với khu vực ép và lưu trữ phân tại nhà ủ phân: phân sau khi được ép được khử trùng bằng vôi bột, tiến hành ủ phân, sau đó được đóng bao, lưu trữ tại nhà ủ phân định kỳ phun chế phẩm sinh học để giảm thiểu phát tán mùi hôi.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Kiểm tra thường xuyên bạt HPDE của bể biogas, nếu có hiện tượng hở mối hàn hoặc thùng kịp thời khắc phục. Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn khí biogas, để kịp thời phát hiện sự cố và có biện pháp xử lý, khắc phục sự cố kịp thời.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

2.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, biện pháp giảm thiểu tác động, thu gom, xử lý khí thải, mùi hôi.

2.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải, mùi hôi không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

2.3. Đảm bảo diện tích trồng cây xanh, cây xanh cách ly xung quanh Dự án và những vị trí thích hợp để hạn chế khả năng phát tán mùi hôi ra khu vực xung quanh. Tạo hành lang cây xanh dọc theo hàng rào của Dự án nhằm tạo bóng mát và hạn chế phát tán mùi hôi và tiếng ồn ra ngoài khu vực Dự án./.

Phụ lục 3
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2836 /GPMT-UBND
ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Chú trọng công tác bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.
2. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết; đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
3. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Kể từ ngày 01/01/2027 áp dụng theo QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
4. Trồng cây xanh theo quy hoạch để hạn chế tác động của tiếng ồn, độ rung.
5. Có quy chế quản lý các hoạt động phát sinh tiếng ồn lớn: không chế độ ồn, thời gian hoạt động.
6. Các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dự án phải hạn chế phát sinh tiếng ồn để tránh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2836 /GPMT-UBND
ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	100
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	8

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 02 02	3
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	5
3	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	9
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh thường xuyên:



TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phân heo	353.880
2	Bao bì đựng thức ăn	1.656
3	Chất thải là heo chết không bị dịch và heo con trong quá trình chăm sóc	9.125
4	Đối với nhau thai khi heo sinh	1.750
5	Bã từ hầm biogas	7.070
6	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	1.800

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên khoảng 24 kg/ngày đêm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

- Kho/khu vực lưu chứa:

+ Diện tích 8m².

+ Thiết kế, cấu tạo: kho kín, tường xây gạch chịu lực, mái lát gạch lá nem, cửa kho kín, nền bê tông xi măng đảm bảo khô thoáng, có gờ tại cửa kho cao hơn mặt sàn của kho, lắp đặt biển báo, dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn, thiết bị phòng cháy chữa cháy; trong kho bố trí xẻng, cát để xử lý trong trường hợp chất thải nguy hại chảy tràn trong kho.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định pháp luật.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho lưu chứa:

+ Khu vực đặt máy ép phân kết hợp đặt ở nhà để phân: diện tích xây dựng 63,8m², nền bê tông xi măng, tường dùng hệ thống tôn quay kết hợp lưới chống côn trùng phủ xung quanh.

+ Đối với bao bì thức ăn chăn nuôi sau khi sử dụng được thu gom vào thùng chứa và đặt trong khu vực nhà kho của trang trại, bao bì sẽ được tận dụng để lưu chứa phân heo sau khi ủ, bao bì còn thừa còn lại hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Phân heo sau ủ được sử dụng để bón cho cây trồng trong khuôn viên dự án, phần dư thừa hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bùn thải từ hầm biogas và bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống xử lý nước

thải định kỳ được hút và vận chuyển về máy ép phân, sau đó được đưa vào khu vực ủ phân.

- Xác heo chết không do dịch bệnh, nhau thai khi heo sinh được thu gom đưa về khu vực xử lý xác với diện tích 26,5m² theo đúng quy định của pháp luật.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng chứa rác tại khu vực nhà điều hành, văn phòng và khu vực trang trại để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo theo quy định.

- Thu gom, phân loại, lưu trữ theo đúng quy định vào các thùng chứa có nắp đậy (10 thùng loại 120L) và lưu chứa tại Khu tập kết rác thải sinh hoạt với diện tích 15 m² phía Tây Nam khu vực chuồng trại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với các loại rác thải có khả năng tái chế như vỏ lon, chai, các loại giấy... sẽ được thu gom riêng để bán cho các đơn vị thu mua làm vật liệu tái chế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải; thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định liên quan.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Đối với trường hợp heo ốm, chết do dịch bệnh: Báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định của Luật Thú y.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.
4. Chất thải phải được phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường và theo đúng quy định.
5. Việc tái sử dụng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trong khuôn viên cơ sở phải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
6. Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của cơ sở; đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường do hoạt động của cơ sở.
7. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
8. Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
9. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về chăn nuôi.
10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
11. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.